Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng hoàn thiện

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn

Đại học Kinh tế Quốc dân

Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn được thực hiện thông qua Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ và Quyết định 136/2007/QĐ – TTg về chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 đã trải qua 7 năm triển khai, bước đầu đã phát huy hiệu quả, thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn, đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn và góp phần thực hiện chương trình nông thôn mới. Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài viết bao gồm 3 phần: phần 1 giới thiệu tổng quan về chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn; phần 2 đánh giá quá trình triển khai chương trình khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn thông qua phân tích, đánh giá các hoạt động khuyến công quốc gia, kinh phí và nguồn nhân lực cho hoạt động khuyến công; phần 3 đưa ra một số khuyến nghị đối với chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn trong thời gian tới.

Từ khóa: nông nghiệp, nông dân, nông thôn, công nghiệp nông thôn, khuyến công.

1. Một số vấn đề về chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn ở Việt Nam

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội trong nông nghiệp và ở nông thôn chuyển hoạt động đó từ lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện sản xuất và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, tạo ra năng suất lao động trong nông nghiệp ngày càng cao, làm thay đổi diện mạo của nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân. Đẩy mạnh công nghiệp hóa và phát triển công nghiệp nông thôn là hết sức quan trọng đối với Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Chính phủ đã triển khai thực hiện Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn được thực hiện thông qua Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ và Quyết định 136/2007/QĐ– TTg về chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012. Nội dung của chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn gồm 7 chương trình và 4 chính sách gồm: i) Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề; ii) Chương trình nâng cao năng lực quản lý; iii) Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật; iv) Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; v) Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin; vi) Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm- điểm công nghiệp; vii) Chương trình nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện và các chương trình khác. 4 chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn gồm: i) chính sách về đất đai; ii) chính sách ưu đãi đầu tư,; iii) chính sách thông tin thị trường và iv) chính sách khoa học, công nghệ.

Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn sẽ thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 về vấn đề tam nông (nông nghiệp, nông dân, nông thôn) của Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hoà giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới, xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá

lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài

2. Kết quả triển khai chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn giai đoạn 2004-2011

2.1. Kinh phí cho hoạt động khuyến công

Tổng kinh phí khuyến công tăng đều qua các năm, năm 2005 kinh phí cho hoạt động khuyến công chỉ có 34.056,7 triệu đồng, đã tăng lên 154.612,5 triệu đồng năm 2010, gấp 4,5 lần so với năm 2005. Tổng kinh phí cho cả giai đoạn 2005– 2011 là 690.957,7 triệu đồng, trong đó kinh phí khuyến công trung ương chiếm 36,5%, kinh phí khuyến công địa phương chiếm 63,5% tổng kinh phí. Năm 2011 kinh phí hoạt động khuyến công cả nước là 158.841 triệu đồng, tuy nhiên số vốn thực hiện chỉ là 144.395 triệu đồng (đạt 90,9%), do Chính phủ thực hiện chính sách cắt giảm chi tiêu công.

Kinh phí khuyến công bình quân cao nhất trong giai đoạn 2005- 2010 ở các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Đồng bằng sông Hồng 10,86 tỷ đồng/tỉnh; Vùng Bắc Trung Bộ là 10,753 tỷ đồng/tỉnh; vùng có kinh phí khuyến công bình quân ít nhất là Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là 2,95 tỷ đồng/tỉnh.

Cơ cấu phân bổ kinh phí hoạt động khuyến công theo Vùng: Kinh phí cho hoạt động khuyến công trong giai đoạn 2005- 2011 của Vùng ĐB Sông Hồng cao nhất chiếm 27,71% tổng số kinh phí cho hoạt động khuyến công của cả nước, tiếp đến là Vùng Bắc Trung Bộ 14,46%, Vùng Đông Bắc 13,59%, Vùng Đông Nam Bộ 10,17%, Vùng ĐB Sông Cửu Long 9,77%, Vùng Nam Trung Bộ 7,92%, Vùng Tây Nguyên 4,97% và Vùng Tây Bắc 3,54%. Cơ cấu sử dụng kinh phí khuyến công theo vùng chưa thật sự hợp lý. Các vùng nghèo, vùng

Bảng 1: Kinh phí cho hoạt động khuyến công giai đoạn 2005 - 2010

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2005-2011
1. Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề	14.150,6	20.283,6	27.861,8	53.640,2	62.418,8	42.239,4	39.448,0	260.042,4
2. Chương trình nâng cao năng lực quản lý	2.671,9	4.810,4	6.103,7	6.395,0	9.375,2	11.096,3	10.363,0	50.815,5
3. Chương trình hỗ trợ xây dựng MH trình diễn kỹ thuật, chuyển giao CN và tiến bộ KHKT	7.870,5	10.679,	16.001,9	19.715,7	30.471,9	42.719,1	39.896,0	167.354,9
4. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	1.656,7	3.897,5	3.195,1	3.730,0	4.879,5	19.273,1	17.999,4	54.631,3
5. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin	1.493,8	3.196,8	3.999,0	4.686,0	5.397,6	11.582,4	10.817,0	41.172,6
6. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm, điểm công nghiệp	1.596,9	1.703,4	3.869,7	3.635,0	10.036,0	7.357,7	6.871,5	35.070,2
7. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện	1.451,9	1.416,6	1.208,7	1.654,5	1.907,0	5.138,7	4.799,1	17.576,5
8. Khác	3.164,4	5.114,4	8.661,9	10.484,0	7.462,8	15.205,9	14.201,0	64.294,4
Tổng kinh phí KC	34.056,7	51.102,5	70.901,8	103.940,4	131.948,8	154.612,5	144.395,0	690.957,7

Nguồn: Cục công nghiệp địa phương, Bộ Công Thương

Hình 1: Cơ cấu sử dụng kinh phí chương trình khuyến công quốc gia theo Vùng giai đoạn 2005 - 2011

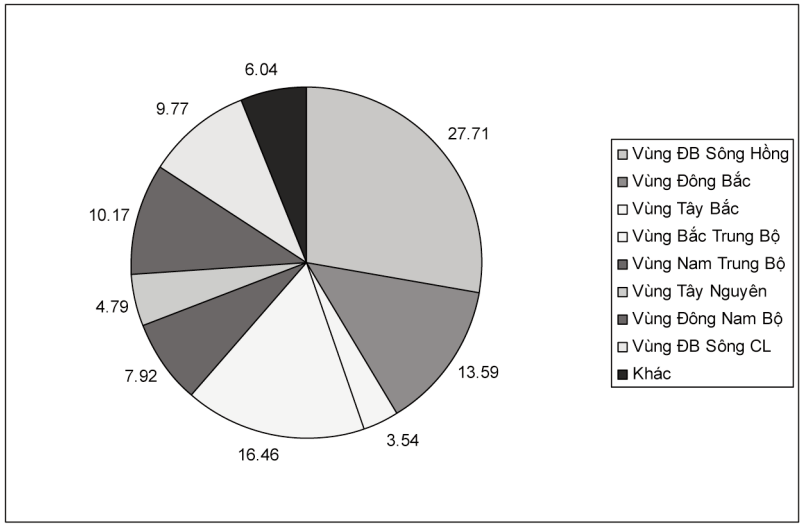

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Cục công nghiệp địa phương, Bộ Công Thương

sâu, vùng xa như Tây Bắc và Tây Nguyên cần nhận được kinh phí nhiều hơn cho khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn thì kinh phí lại thấp, trong khi đó các vùng như Đồng Bằng sông Hồng, Vùng Đông Nam Bộ đã thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài cho phát triển công nghiệp thì nguồn kinh phí này lại nhiều hơn. Do vậy, kinh phí trung ương cho hoạt động khuyến công nên cơ cấu lại theo hướng ưu tiên cho các vùng nghèo.

Cơ cấu sử dụng kinh phí khuyến công theo chương trình: trong các hoạt động khuyến công, kinh phí dành cho chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề chiếm 37,6% tổng kinh phí khuyến công, kinh phí cho chương trình xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ chiếm 24,2%, kinh phí cho phát triển sản phẩm công nghiệp tiêu biểu chiếm 7,9%, kinh phí cho chương trình nâng cao năng lực quản lý 6,0%, kinh phí cho chương trình cho phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin 7,4%, kinh phí cho hoạt động liên doanh, liên kết và phát triển các cụm, điểm công nghiệp 5,1%, kinh phí cho chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện 2,5, còn 9,3% dành cho các hoạt động khác.

2.2. Nguồn nhân lực thực hiện hoạt động khuyến công

Hình 2: Cơ cấu kinh phí cho hoạt động khuyến công (%)

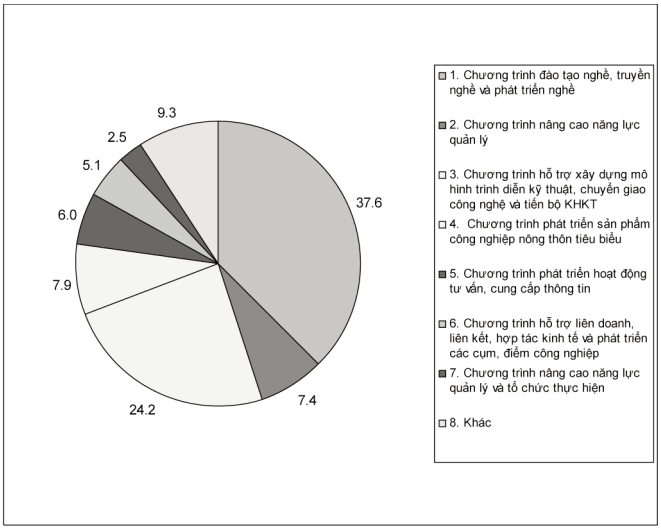

Nguồn: Cục công nghiệp địa phương, Bộ Công Thương

Tổng số cán bộ làm việc tại các Trung tâm khuyến công trên cả nước tính đến hết năm 2011 là 974 người (tăng 155 người so với năm 2010), bình quân 15,21 người/Trung tâm. Trong đó có 727 biên chế và 247 lao động hợp đồng. Số lao động có trình độ trên đại học là 24 người chiếm 2,5%; đại học, cao đẳng là 798 người chiếm 81,9%; trung, sơ cấp và công nhân kỹ thuật là 152 người chiếm 15,6%. Như vậy, đại bộ phận cán bộ làm công tác khuyến công đều qua đào tạo và có trình độ chuyên môn.

Ngoài lực lượng chủ yếu nêu trên, tham gia vào hoạt động khuyến công còn có Hội Nông dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Liên minh HTX Việt Nam, Đoàn thanh niên CSHCM, Phòng TMCNVN, Viện nghiên cứu Da Giầy, một số Trường đại học, cao đẳng, các Trung tâm đào tạo nghề.

2.3. Về việc thực hiện chương trình khuyến công quốc gia

a. Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề

Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề cho lao động nông thôn là một trong những chương trình trọng tâm của hoạt động khuyến công giai đoạn 2005– 2011. Hoạt động đào tạo nghề truyền nghề chủ yếu bằng hình thức đào tạo tại chỗ, ngắn hạn gắn với cơ sở công nghiệp nông thôn. Trong giai đoạn 2005– 2011, Chương trình đạo tạo đã tổ chức đào tạo nghề nhằm ổn định hoặc tạo việc làm cho 443.943 lao động. Hoạt động đào tạo nghề chủ yếu tập trung hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn có nhu cầu mở rộng sản xuất và tuyển lao động.

b. Chương trình nâng cao năng lực quản lý

Chương trình nâng cao năng lực quản lý đã tổ chức đào tạo khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý cho 30.724 học viên là cán bộ khuyến công của các Trung tâm Khuyến công, các phòng Công thương cấp huyện, cộng tác viên khuyến công cấp xã, đại diện các cơ sở công nghiệp nông thôn và các tổ chức dịch vụ khuyến công khác.

Trong giai đoạn 2005– 2011, Chương trình khuyến công đã tổ chức được 235 hội thảo, hội nghị tập huấn chuyên đề phục vụ cho phát triển công nghiệp nông thôn với sự tham gia của 11.837 đại biểu. Tổ chức 792 đoàn tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm khuyến công, sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước cho gần 12.000 người là cán bộ làm công tác khuyến công và đại diện một số cơ sở công nghiệp nông thôn.

c. Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Đây là chương trình trọng tâm trong hoạt động khuyến công. Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật đã hỗ trợ xây dựng được trên 900 mô hình trình diễn kỹ thuật sản phẩm mới, công nghệ mới và hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, chuyển giao công nghệ cho hàng nghìn cơ sở CNNT tập trung hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại gồm: khuyến khích cơ giới hoá trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; khuyến khích đầu tư các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản; sản xuất, gia công, sửa chữa cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; đầu tư xử lý nước thải, rác thải trong các cụm công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp chế biến thực phẩm.

d. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhằm phát hiện và tôn vinh các sản phẩm có chất lượng, hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm; hỗ trợ tổ chức hội trợ triển lãm hàng CNNT cấp tỉnh, huyện, hỗ trợ xây dựng đăng ký thương hiệu; tổ chức hội chợ, triểm lãm cấp tỉnh. Chương trình khuyến công quốc gia đã hỗ trợ được 5 hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực. Cục công nghiệp địa phương đã tổ chức 7 lần bình chọn sản phẩm công nghiệp tiêu biểu cấp khu vực.

e. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin

Đã có 10/63 tỉnh thực hiện chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin, hỗ trợ thành lập điểm tư vấn khuyến công. Hoạt động thông tin tuyên truyền đã được tổ chức thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú và đa dạng trên các phương tiện thông tin tuyên truyền. Trong đó, riêng khuyến công quốc gia hỗ trợ cho 6 cơ quan truyền thông ở Trung ương để tổ chức tuyên truyền về CNNT và hoạt động khuyến công. Ngoài ra, còn hỗ trợ tuyên truyền và phổ biến các chính sách của nhà nước về khuyến khích phát triển CNNT trên Tạp chí

Công nghiệp Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và một số phương tiện thông tin tuyên truyền khác.

f. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết hợp tác kinh tế và phát triển các cụm điểm công nghiệp

Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết hợp tác kinh tế và phát triển các cụm điểm công nghiệp đã hỗ trợ lập quy hoạch cho 28 cụm công nghiệp nhằm tạo mặt bằng để khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, di dời các cơ sở sản xuất trong làng nghề, nơi đông dân cư vào các cụm công nghiệp tập trung. Ngoài ra, chương trình còn hỗ trợ thành lập 319 hiệp hội, hội nghề cấp tỉnh, 6 hiệp hội ngành nghề cấp huyện. Nhìn chung, các hiệp hội ngành nghề đã phát huy tốt vai trò đầu mối liên kết giữa các hội viên, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp.

g. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện

Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện đã hỗ trợ tổ chức 664 lớp đào tạo về nghiệp vụ khuyến coogn cho 13.717 lượt cán bộ khuyến công của các Trung tâm khuyến công. Tổ chức được 505 hội thảo, hội nghị tập huấn chuyên đề khác nhau cho 7.383 lượt cán bộ làm công tác khuyến công.

h. Các hoạt động khuyến công khác

Ngoài các hoạt động khuyến công trên, một số địa phương còn thực hiện hỗ trợ kinh phí cho một số hoạt động khác cụ thể như xét công nhận thợ giỏi, người có công truyền nghề, nhân cấy nghề, trang bị cơ sở vật chất cho các Trung tâm Khuyến công, hỗ trợ có thu hồi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, hoạt động sản xuất sạch hơn.

2.4. Về thực thi các chính sách khác của Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn

Chính sách đất đai: Phần lớn các tỉnh thành đã quan tâm xây dựng các cơ chế chính sách và tư vấn các thủ tục hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn trong thuê đất như miễn giảm tiền thuê đất, ưu tiên thuê đất để di dời sản xuất. Các địa phương cũng đã tăng cường công tác lập quy hoạch tổng thể phát triển cụm, điểm công nghiệp ở các địa phương.

Chính sách ưu đãi đầu tư: Trên cơ sở các chính sách ưu đãi của Chính phủ các bộ ngành địa phương đã xây dựng và ban hành các chính sách riêng về ưu đãi, thu hút đầu tư, phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

Chính sách thông tin thị trường: Nhiều địa phương đã xây dựng và phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông ở địa phương và trung ương để tổ chức thông tin tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn về cơ chế chính sách, thông tin thị trường giá cả. Một số địa phương đã xây dựng sàn thông tin thương mại điện tử để quảng bá, giới thiệu tiềm năng phát triển và xúc tiến đầu tư vào tỉnh.

Chính sách khoa học công nghệ: nhiều địa phương đã ban hành cơ chế chính sách riêng của địa phương về khoa học công nghệ và nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa học.

Như vậy, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn và chương trình khuyến công quốc gia đã huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia đầu tư sản xuất công nghiệp và các dịch vụ khuyến công ở nông thôn, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế- lao động nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, góp phần xóa đói, giảm nghèo và phát triển đời sống văn hóa - xã hội ở nông thôn. Việc thực hiện chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước bình quân 13,5% năm, giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn tăng 17,6% năm, số lượng các cơ sở công nghiệp nông thôn tăng bình quân 8,5% năm và số lao động làm việc trong các cơ sở công nghiệp nông thôn tăng 8,9% năm trong giai đoạn 2004– 2011; giá trị xuất khẩu tiểu thủ công nghiệp tăng 20,08% và kim ngạch xuất khẩu tiểu thủ công nghiệp đạt trên 2 tỷ USD năm 2010. Nhiều ngành nghề truyền thống đã bị mai một, nay từng bước được khôi phục dần và phát triển trở thành làng nghề. Công tác đào tạo nghề, du nhập nghề mới cho lao động nông thôn từng bước gắn kết với doanh nghiệp, các mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ được chú trọng và duy trì phát triển đã tiết kiệm chi phí đầu tư và nâng cao hiệu quả sản xuất và hạn chế ô nhiễm môi trường, hỗ trợ tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, tham quan học tập, khảo sát và tạo điều kiện để các cơ sở liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, tham gia các hiệp hội ngành nghề. Mặt khác hoạt động khuyến công trong thời gian qua đã xóa được nhiều vùng trắng công nghiệp tại các huyện vùng cao biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa, giúp các địa

phương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Hệ thống tổ chức thực hiện công tác khuyến công được thiết lập và bước đầu hoạt động khá hiệu quả và ổn định. Tính đến cuối năm 2011, cả nước có 43/63 tỉnh thành đã phê duyệt chương trình khuyến công địa phương, chiếm 68,2% số tỉnh thành của cả nước, đã có 63/63 tỉnh lập Trung tâm Khuyến công thuộc Sở Công Thương để triển khai hoạt động khuyến công. Trải qua 7 năm hoạt động, hệ thống khuyến công trên toàn quốc đã không ngừng được củng cố, kết nối hoạt động thống nhất từ Trung ương đến địa phương và hoạt động ngày càng hiệu quả.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn và chương trình khuyến công quốc gia còn rất nhiều bất cập, chưa phát huy tối đa hiệu quả của chính sách.

Thứ nhất, nguồn vốn bố trí cho thực hiện chính sách hàng năm còn thấp, các mức hỗ trợ thấp nên mới chỉ hỗ trợ được những dự án qui mô nhỏ, hiệu quả phát huy không cao. Việc phân bổ chi tiết vốn khuyến công ở một số năm còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

Thứ hai, nhiều dự án đầu tư triển khai chậm, do năng lực quản lý, năng lực tài chính của chủ đầu tư thấp kém; một số vướng mắc về bố trí địa điểm, giải phóng mặt bằng ở các địa phương chưa được giải quyết dứt điểm, dẫn đến việc giải ngân vốn chậm, nhất là giai đoạn đầu thực hiện chính sách. Một số dự án TTCN được hỗ trợ chưa phát huy được hiệu quả, vẫn còn dự án sau khi được hỗ trợ bị giải thể.

Thứ ba, trình độ năng lực của các đối tượng tham gia hoạt động khuyến công còn quá thấp, nhất là năng lực đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp nông thôn nhưng lượng kinh phí dành cho chương trình này thường rất thấp. Trong khi đó, do yếu về nghiệp vụ nên việc khảo sát, đánh giá, tư vấn, hướng dẫn và khả năng xây dựng, lựa chọn các đề án khuyến công có tính khả thi tại địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhiều địa phương chưa thực hiện tốt việc thẩm định cấp cơ sở đối với đề án đăng ký hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia dẫn đến chất lượng đề án đăng ký còn thấp; vẫn còn nhiều đề án không đúng nội dung chương trình, sai dự toán, không xét giao kế hoạch được hoặc khi triển khai thực hiện còn gặp khó khăn vướng mắc. Một số đề án khuyến công chưa tập trung hỗ trợ rõ nét, có hiệu quả vào những ngành, nghề, sản phẩm mũi nhọn phù hợp với tiềm năng lợi thế của từng địa phương...

Thứ năm, thủ tục hành chính còn rườm rà, nhất là quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án khuyến công từ đăng ký kế hoạch, thẩm định xét giao kế hoạch các đề án khuyến công vẫn còn lúng túng và tốn nhiều thời gian. Nhiều địa phương đề nghị cần đơn giản hóa hơn nữa các thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục thanh quyết toán để giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn khuyến công dễ hơn.

Thứ sáu, mặc dù đã trải qua 7 năm triển khai chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, nhưng nhận thức trong một bộ phận cán bộ các cấp, các ngành và của xã hội về Nghị Định này chưa thực sự đầy đủ và toàn diện. Chính vì vậy, sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư cho hoạt động này còn hạn chế, chưa huy động được nhiều nguồn lực xã hội cho phát triển công nghiệp nông thôn.

3. Định hướng chính sách và kiến nghị

3.1. Tiếp tục hoàn thiện chính sách về khuyến công

Để nâng cao hiệu quả của chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn trong thời gian tới cần tiếp tục rà soát để xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách về khuyến công, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động khuyến công từ Trung ương đến địa phương. Trong đó, cần chú trọng đến các vấn đề sau:

- Xây dựng hướng dẫn về tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của Trung tâm khuyến công cấp Tỉnh.

- Hoàn thiện quy định về hệ thống biểu bảng thống kê báo cáo và phương pháp kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động khuyến công ở cấp tỉnh và cấp quốc gia.

- Các tỉnh/thành phố hoàn thiện quy chế về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương và các văn bản liên quan đến hoạt động khuyến công.

3.2. Nâng cao năng lực của Tổ chức bộ máy làm công tác khuyến công

Nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách khuyến công, nâng cao năng lực của tổ chức bộ máy làm công tác khuyến công là hết sức cần thiết. Trước hết cần tập trung vào:

Thứ nhất, ở cấp Trung ương cần tiếp tục củng cố

về cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực của các đơn vị làm công tác khuyến công thuộc Cục công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương), đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công.

Thứ hai, ở cấp địa phương nâng cao năng lực của Sở Công Thương để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác khuyến công cấp tỉnh/thành phố. Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm khuyến công thông qua việc kiện toàn bộ máy tổ chức, tăng cường biên chế và đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, tăng cường phát triển mạng lưới cộng tác viên khuyến công đến cấp xã.

3.3. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công

Về mặt số lượng: Cần tăng cường đủ số lượng biên chế cán bộ làm công tác khuyến công trong các tổ chức bộ máy thực hiện chính sách khuyến công ở các cấp, cũng như trong các đơn vị sự nghiệp chuyên trách thực hiện hoạt động khuyến công.

Tăng cường đạo tạo, tập huấn và bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động khuyến công, kỹ năng mềm về tư vấn và truyền thông.

3.4. Tăng cường kinh phí cho các hoạt động khuyến công và đầu tư cơ sở vật chất cho các trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp cấp tỉnh/thành phố

Như đã nêu ở trên, nguồn kinh phí cho hoạt động khuyến công còn hạn chế, do đó trong thời gian tới cần tăng cường nguồn vốn ngân sách và các nguồn huy động khác cho hoạt động khuyến công. Xã hội hóa việc huy động vốn ngoài nguồn vốn của ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh từ nguồn vốn của các tổ chức cá nhân, đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp nông thôn.

Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ hoạt động khuyến công với các nguồn vốn cho các chương trình khác nhất là nguồn vốn từ chương trình nông thôn mới và nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia khác.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho các trung tâm khuyến công cấp tỉnh nhất là đầu tư vào trụ sở làm việc, máy móc thiết bị, nhà xưởng, hội trường, hình thành các vườn ươm doanh nghiệp ở các địa phương.

3.5. Tăng cường phối hợp hoạt động của các tổ chức cơ quan liên quan và tham gia vào hoạt động khuyến công

Cần tăng cường phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các tổ chức tham gia vào thực thi chính sách khuyến công quốc gia như Bộ Công Thương, Sở Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên Minh hợp tác xã, các Trung tâm đào tạo, Hội nông dân và các Bộ, Ban ngành khác.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh và mở rộng phương thức các hoạt động thông tin tuyên truyền để chuyển tải đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin về cơ chế, chính sách, các hoạt động khuyến công. Tạo được sự thống nhất trong nhận thức và tranh thủ được sự ủng hộ rộng rãi của các cấp, các ngành và toàn xã hội làm cho hoạt động khuyến công ngày càng mở rộng và nâng cao hiệu quả.

Kết luận: Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn đã góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước và giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn trong giai đoạn 2004 đến nay. Trải qua 7 năm hoạt động, hệ thống khuyến công trên toàn quốc đã không ngừng được củng cố, kết nối hoạt động thống nhất từ Trung ương đến địa phương và hoạt động ngày càng hiệu quả. Việc tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến công quốc gia là hết sức cần thiết để thúc đẩy phát triển công nghiệp nông nghiệp và góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn.❐

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Công Thương, Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định 134/2004/NĐ-CP và sơ kết 2 năm quyết định 136/2007/QĐ – TTg.

2. Bộ Công Thương, Quyết định Ban hành Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình khuyến công Quốc gia đến năm 2012 và hệ thống, tiêu chí, chỉ số đánh giá đề án, chương trình khuyến công.

3. Bộ Công Thương, Báo cáo tổng kết công nghiệp địa phương năm 2011, phương hướng nhiệm vụ năm 2012.